

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp;

Căn cứ công văn số 4828/UBND-ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết hồ sơ thủ tục môi trường của các dự án trong Khu chế xuất và Khu công nghiệp Thành phố;

Căn cứ công văn số 153/STNMT-CCBVMT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc bàn giao hồ sơ thủ tục môi trường của các dự án trong các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố;

Căn cứ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1537/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh của dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” tại Lô Va.04b, đường số 24&17, Khu



công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam tại văn bản số 02/GPMT.FOXLINK ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” tại Lô Va.04b, đường số 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 21 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Foxlink Việt Nam, địa chỉ tại lô Va.04b, đường số 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty TNHH Foxlink Việt Nam” địa chỉ tại lô Va.04b, đường số 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Tân Thuận) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Foxlink Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô Va.04b, đường số 24&17, Khu công nghiệp thuộc Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Tân Thuận).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0316629965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2020; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 10 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9801496521 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 18 tháng 01 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0316629965.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Lắp ráp, gia công các sản phẩm điện tử dùng cho máy tính bảng, điện thoại di động.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 7.538,9 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: lắp ráp, gia công các sản phẩm điện tử dùng cho máy tính bảng, điện thoại di động với quy mô công suất 10.800.000 sản phẩm/năm, tương đương 1.080 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Foxlink Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Foxlink Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 07 năm kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy phép môi trường này thay thế Giấy phép môi trường số 17/GPMT-MT ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Foxlink Việt Nam;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND Quận 7;
- Công ty TNHH Tân Thuận;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, PQLMT, Th 12



**KT, TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Thanh Trục



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-BQL ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực văn phòng, khu sản xuất được thu gom, xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại của nhà xưởng tiêu chuẩn C&D (nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Tân Thuận); nước thải từ lavabo rửa tay vệ sinh, khu vực nhà ăn được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

- Nước thải bỏ định kỳ từ hệ thống làm lạnh, tháp giải nhiệt của hệ thống cấp khí lạnh trung tâm nhà xưởng: được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải công nghiệp của nhà xưởng tiêu chuẩn C (nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Tân Thuận), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

- Nước hấp thụ dung dịch phun phủ bảo vệ PCB tại buồng phun tay thải bỏ định kỳ (02 ngày/lần) được lọc qua lớp bông lọc bằng sợi polyester để tách phần cặn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải công nghiệp của nhà xưởng tiêu chuẩn C (nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Tân Thuận), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

- Nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại 02 hố ga đầu nối trên đường số 24 và đường số 17, có tọa độ:

+ Hố ga trên đường số 24: $X = 1191500.845$, $Y = 608379.019$;

+ Hố ga trên đường số 17: $X = 1191470.217$, $Y = 608409.501$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ vĩ chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:



1.2.1. Bể tự hoại: 05 bể với tổng thể tích 38,7 m³ của nhà xưởng tiêu chuẩn C&D (nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Tân Thuận).

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải của dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không có công trình xử lý nước thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu chế xuất Tân Thuận, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-BQL ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ 03 máy quét phủ keo hàn tự động lên bề mặt bo mạch.
- Nguồn số 02: Khí thải từ 01 máy rửa bảng khuôn cố định bo mạch dính keo hàn.
- Nguồn số 03: Khí thải từ công đoạn pha dung môi, 01 hệ thống phun phủ chất bảo vệ PCB tự động, 01 buồng phun phủ chất bảo vệ PCB bằng tay.
- Nguồn số 04: Khí thải từ 02 máy rửa, làm sạch mối hàn bằng hóa chất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ 04 nguồn phát sinh khí thải nêu trên. Tọa độ: X = 1191469,777; Y = 608342,175 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của nhà máy tại Nhà xưởng tiêu chuẩn C, Lô Va.04b, đường 24&17, khu công nghiệp thuộc khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục khi vận hành thiết bị, nguồn phát sinh khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|----------------|--------------------|---|----------------------------|-----------------------------|
| 1 | n-Butyl acetat | mg/Nm ³ | 950 | Không thuộc đối tượng | |
| 2 | n-Hexan | mg/Nm ³ | 450 | | |
| 3 | n-Heptan | mg/Nm ³ | 2.000 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ

thống xử lý khí thải:

Khí thải từ 04 nguồn phát sinh nêu trên được thu gom bằng đường ống dẫn về 02 hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thải chung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Các ống hút khí thải tại nguồn → Hệ thống đường ống thu gom khí thải → 02 hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính dạng tổ ong → 02 Quạt hút → 01 Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 30.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính dạng tổ ong.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải và khắc phục sự cố trước khi vận hành lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng từ tháng 07 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1191469,777; Y = 608342,175

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm chính: n-Butyl acetat, n-Hexan, n-Heptan.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

| Stt | Vị trí lấy mẫu | Loại mẫu | Thông số quan trắc | Tần suất quan trắc, lấy mẫu | Quy chuẩn so sánh |
|---|---|------------|---|--|---------------------|
| I. Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình | | | | | |
| 1 | Ống thoát khí thải sau hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính | Mẫu tổ hợp | Lưu lượng, n-Butyl acetat, n-Hexan, n-Heptan | 15 ngày/lần từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm đến hết 75 ngày | QCVN 20:2009/ BTNMT |
| II. Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định | | | | | |
| 2 | Ống thoát khí thải sau hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính | Mẫu đơn | Lưu lượng, n-Butyl acetat, n-Hexan, n-Heptan. | 01 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp | QCVN 20:2009/ BTNMT |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đối với dòng khí thải, nhiệt thừa từ các công đoạn sản xuất khác (các công đoạn lắp ráp, gắn kết linh kiện điện tử bằng biện pháp hàn bằng tay; công đoạn lắp ráp, gắn kết linh kiện điện tử bằng biện pháp hàn sóng; công đoạn sấy keo hàn sau khi lắp ráp linh kiện điện tử tự động; công đoạn sấy hồng ngoại sau khi lắp ráp linh kiện điện tử bằng tay; công đoạn kiểm tra chất lượng; công đoạn thử nghiệm; công đoạn đóng gói) tại tầng 2 và tầng 3 được thu gom và thoát qua 02 ống thải cao lần lượt 12m và 20m với tổng lưu lượng thải là 75.000 m³/giờ, không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường tuy nhiên phải luôn đảm bảo chất lượng khí thải phải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-BQL ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của dây chuyền, máy nạp và cắt bo mạch tự động
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của 02 hệ thống xử lý khí thải và của các quạt hút khí thải
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các máy móc tại phòng kỹ thuật.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của tháp giải nhiệt nước

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1191498,990; Y = 608379,159;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1191474,426; Y = 608342,926;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1191473,138; Y = 608355,071;
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1191520,373; Y = 608389,699.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

| Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|---------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| 70 | 55 | - | Khu vực thông thường |

3.2. Độ rung

| Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|--|---------------------|----------------------------|----------------------|
| Từ 6 giờ đến 21 giờ | Từ 21 giờ đến 6 giờ | | |
| 70 | 60 | - | Khu vực thông thường |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.





Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-BQL ngày 21 tháng 6 năm 2023 của
Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| Stt | Thành phần chất thải | Trạng thái | Mã CTNH | Khối lượng (kg/năm) |
|-----|--|------------|----------|---------------------|
| 1 | Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải | Rắn | 18 01 01 | 413 |
| 2 | Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải | Rắn | 18 01 02 | 1.239 |
| 3 | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải | Rắn | 18 01 03 | 2.478 |
| 4 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 18 02 01 | 1.000 |
| 5 | Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại | Rắn | 07 04 02 | 960 |
| 6 | Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại) | Rắn | 19 02 06 | 1.077 |
| 7 | Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) | Rắn | 08 03 01 | 305 |
| 8 | Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) | Lỏng | 08 03 03 | 960 |
| 9 | Bóng đèn led | Rắn | 16 01 13 | 300 |
| 10 | Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) | Rắn | 08 02 04 | 30 |
| 11 | Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải | Rắn | 19 12 02 | 1.000 |
| 12 | Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác | Lỏng | 17 02 04 | 360 |

| | | | | |
|----|---------------------------|-----|----------|---------------|
| 13 | Các loại pin, ắc quy khác | Rắn | 19 06 05 | 10 |
| 14 | Chất thải lây nhiễm | Rắn | 13 01 01 | 15 |
| | Tổng cộng | | | 10.147 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

| Stt | Nhóm CTRCNTT | Trạng thái | Mã chất thải | Khối lượng (Kg/năm) |
|-----|-----------------------------|------------|--------------|---------------------|
| 1 | Vụn nhựa, vụn dây điện thải | Rắn | 19 02 07 | 100 |
| 2 | Giấy, carton các loại | Rắn | 18 01 05 | 64.260 |
| 3 | Bao bì nhựa thải | Rắn | 18 01 06 | 18.360 |
| 4 | Mút xốp | Rắn | 18 01 11 | 9.180 |
| 5 | Pallet gỗ | Rắn | 18 01 07 | 1.000 |
| 6 | Pallet nhựa | Rắn | 18 01 06 | 1.500 |
| | Tổng khối lượng | | | 94.400 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 27 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, can có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải nguy hại

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa nằm trong phạm vi tầng 3 của nhà xưởng có kết cấu tường xây gạch, sàn bê tông cốt thép, tráng xi măng chống thấm, mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, có bố trí khay có gờ chống chất thải dạng lỏng chảy tràn, có dán mã chất thải, biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 240 lít và 660 lít chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 16m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nằm trong phạm vi tầng 3 của nhà xưởng nên khu vực lưu chứa có kết cấu tường xây gạch; sàn bê tông cốt thép, tráng xi măng chống thấm; mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 2m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: trong phạm vi nhà ăn (tầng 3) nên có kết cấu tường xây gạch; sàn bê tông cốt thép, tráng xi măng chống thấm; mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 02/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-BQL ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.
5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

